

Chương 2

CSS3 (Cascade Style Sheet)

1. CSS là gì?

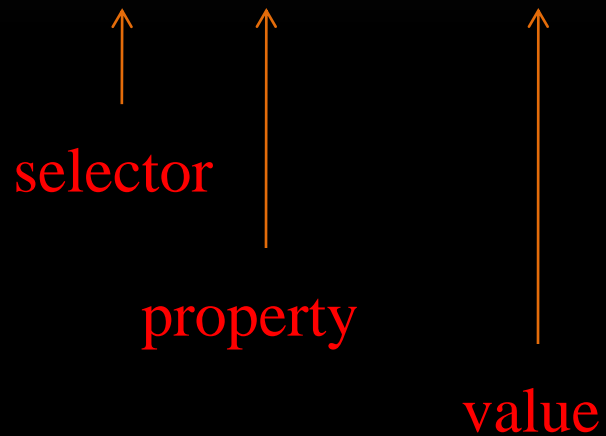
- **CSS (Cascading Style Sheets)** là ngôn ngữ dùng để miêu tả cách trình bày các tài liệu viết bằng HTML và XHTML.
- Ưu điểm:
 - Hạn chế tối thiểu việc làm rối mã
 - Tách nội dung của trang web và định dạng hiển thị, dễ dàng cho việc cập nhật nội dung.
 - Tạo ra các kiểu dáng có thể áp dụng cho nhiều trang Web

- Cú pháp:

Selector {property: value;}

- Ví dụ:

p {color:#FF0000;}



2. Chèn CSS vào HTML

- Có 3 cách để chèn CSS vào trong trang HTML:
 - Inline style
 - Internal style sheet
 - External style sheet

2.1. Inline Style

- Nhúng CSS trực tiếp vào thẻ HTML

- Cú pháp:

`<tag style="property1:value1;...propertyN:valueN;">...</tag>`

- Ví dụ:

`<p style="color:#FF0000;margin-left:20px;">This is a paragraph.</p>`

- Không dùng lại được

2.2. Internal style sheet

- Nội dung định kiểu nằm trong thẻ <style> đặt trong phần head

- Cú pháp:

<head>

<style type="text/css" >

```
SelectorName {  
    property1:value1;  
    .....  
    propertyN:valueN;}
```

</style>

</head>

Ví dụ:

```
<head>  
  <style>  
    p {color:#FF0000; margin-left:20px;}  
    h1 {color:#00FF00;}  
  </style>  
</head>
```

- Nên dùng khi chỉ áp dụng 1 style cho 1 trang web

2.3. External style sheet

- Nội dung định kiểu được đặt tại 1 file CSS riêng biệt và được nhúng vào HTML bởi thẻ <link>

- Cú pháp:

<head>

<link rel="stylesheet" type="text/css" href="url">

</head>

- Ví dụ:

<link rel="stylesheet" type="text/css" href="style.css">

- Dùng áp dụng style cho nhiều trang web

2.4. Thứ tự ưu tiên

- Inline style (inside an HTML element)
- Internal style sheet (in the head section)
- External style sheet
- Browser default

3. Selector

- Selector là thành phần được áp dụng các thuộc tính CSS
- Các dạng selectors
 - HTML element selectors
 - Class selectors
 - ID selectors
 - ...

3.1. HTML element selectors

- Định kiểu cho tất cả các element cùng loại tag
- Ví dụ:

p

{

color: yellow;

}



Tất cả thẻ p đều
có màu vàng

3.2. Class selectors

- Định kiểu cho tất cả các element có thuộc tính class.
- Ví dụ:

```
<style>
```

```
.my_class { background-color: yellow; }
```

```
</style>
```

```
<body>
```

```
<div >
```

```
<h3 class="my_class">My name is Donald.</p>
```


```
<p class="my_class">I live in Duckburg.</p>
```

```
</div>
```

```
<p>My best friend is Mickey.</p>
```

```
</body>
```

h3, p với .my_class đều
có nền màu vàng



3.3. Id selectors

Định kiểu trên một element có thuộc tính **id**.

- Ví dụ:

```
<style>
```

```
  #id_name{ background-color: red; }
```

```
</style>
```

```
<body>
```

```
<div >
```

```
  <h3 id="id_name">My name is Donald.</p>
```

```
  <p >I live in Duckburg.</p>
```

```
</div>
```

```
<p>My best friend is Mickey.</p>
```

```
</body>
```

**h3 có nền màu
đỏ**



3.4. element.class

- Style áp dụng cho **Element** có thuộc tính **class** tương ứng
- Ví dụ:

```
<style>
```

```
  h2.class01 { background-color:yellow; }
```

```
</style>
```

```
<body>
```

```
<div>
```


```
  <h2 class="class01">My name is Donald</h2>
```

```
  <p class="class01">I live in Duckburg.</p>
```

```
</div>
```

```
</body>
```

h2 có nền màu
vàng



3.5. Element, element

- Style được áp dụng cho một nhóm các tag trong tài liệu
- Ví dụ:

```
<style>
```

```
  h1,p{background-color:yellow;}
```

```
</style>
```

```
<body>
```

```
<div>
```

```
  <h1>My name is Donald.</h1>
```

```
  <p>I live in Duckburg.</p>
```

```
</div>
```


```
</body>
```

3.6. Element element

- Áp dụng style cho các element bên trong element khác
- Ví dụ:

```
<style>
  div p{ background-color:blue }
</style>
<body>
<div>
  <h2>My name is Donald</h2>
  <p>I live in Duckburg.</p>
</div>
<p>My best friend is Mickey.</p>
</body>
```

Chỉ thẻ <p>
trong <div> có
nền màu xanh



3.7. *Element>element*

- Áp dụng style cho các elements là con trực tiếp của một element khác
- Ví dụ

```
<style>
```

```
  div>p{background-color:yellow;}
```

```
</style>
```

```
<body>
```

```
<div>
```

```
  <h2>My name is Donald</h2>
```

```
  <p>I live in Duckburg.</p>
```

```
</div>
```

```
<div>
```

```
  <span><p>I will not be styled.</p></span>
```

```
</div>
```

```
</body>
```

Chỉ thẻ `<p>` là
con trực tiếp
của thẻ `<div>` có
nền màu vàng

Selector	Example	Example description
<i>element</i>	p	Chọn tất cả thẻ <p> để áp dụng style
<i>.class</i>	.intro	Chọn tất cả các thành phần có class="intro"
<i>#id</i>	#firstname	Chọn thành phần có id="firstname"
element, element	div,p	Chọn tất cả các <div> và <p>
<i>element element</i>	div p	Chọn tất cả thẻ <p> nằm bên trong <div>
<i>element>element</i>	div>p	Chọn tất cả thẻ <p> có cha trực tiếp là thẻ <div>
<i>element+element</i>	div + p	Chọn thẻ <p> nằm ngay dưới thẻ <div>
[<i>attribute</i>]	[disabled]	Chọn tất cả các thành phần có thuộc tính là disable
[<i>attribute=value</i>]	[target=_blank]	Chọn các thành phần có target=_blank
:first-child	li:first-child	Chọn li đầu tiên trong danh sách
:last-child	li:last-child	Chọn li cuối cùng trong danh sách